

Bản án số: 09/2024/LĐ-ST
Ngày: 26-6-2024
V/v Tranh chấp tiền lương

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Ngọc;
- Ông Đoàn Nam Lê Thiện .

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Trân, Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 113/2024/TLST-LĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp về tiền lương” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-LĐ ngày 24 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-LĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thanh T, sinh năm 1978; thường trú: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH N1; địa chỉ trụ sở chính: số A, đường T, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông WEI, SHENGCHENG, sinh năm 1972; địa chỉ thường trú: số P, Tòa nhà B, Khu B, I North Lingnan D, C, F, Q, Trung Quốc; địa chỉ liên lạc: số A, đường T, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thanh T trình bày:

Bà Lê Thanh T là công nhân làm việc tại Công ty TNHH N1 (sau đây gọi tắt là Công ty N1). Bà Lê Thanh T bắt đầu làm việc tại Công ty N1 từ tháng 10/2023, Hợp đồng lao động giữa bà T và Công ty N1 không được giao kết bằng văn bản mà giao kết hợp đồng lao động bằng lời nói, vị trí làm việc là công nhân lắp ráp; mức lương cơ bản: 5.010.000/tháng; ngày công có lương trong tháng 3/2024 là 25 ngày và 08 giờ làm việc với số tiền: 4.961.827 đồng; tiền làm thêm do tăng ca là 2.474.892 đồng, tiền tăng ca chủ nhật là 1.926.923 đồng, tiền chuyên cần 500.000 đồng, phụ cấp nhà ở là 198.077 đồng; phụ cấp đi lại là 198.077 đồng; tổng tiền lương thực lãnh trong tháng 3/2024 là 10.260.000 đồng.

Đối với lương tháng 3/2024 công ty đã trả cho bà T được 6.000.000 đồng còn lại tiền lương của tháng 3/2024 mà công ty TNHH N1 còn nợ của bà T là 4.260.000 đồng.

Trong tháng 4/2024 thì bà T làm 13 ngày (từ ngày 01/4/2024 đến ngày 15/4/2024). Đến ngày 16/4/2024 thì công ty ngừng hoạt động các công nhân vẫn đến công ty nhưng chủ quản của công ty R thông báo là công ty ngừng hoạt động và công ty cũng không thanh toán tiền lương cho người lao động. Tiền lương tháng 04/2024 Công ty còn nợ bà T là: 3.416.000 đồng.

Nay bà Lê Thanh T yêu cầu Tòa án buộc Công ty N1 phải thanh toán cho bà tiền nợ lương chưa trả là 7.676.000 đồng (trong đó: tiền lương tháng 03/2024 là 4.260.000 đồng và tháng 04/2024 là 3.416.000 đồng)

- *Đối với bị đơn Công ty TNHH N1*: Quá trình tố tụng Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An đã tổng đạt thông báo thụ lý và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện do nguyên đơn cung cấp và yêu cầu bị đơn Công ty TNHH N1 có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không có ý kiến gì và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An*: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nguyên đơn vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy Tòa án căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Lê Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc người sử dụng lao động phải trả lương cho người lao động trong những ngày người lao động làm việc tại Công ty TNHH N1, theo kết quả thu thập được tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương thì Công ty TNHH N1 hiện có trụ sở chính tại số A, đường T, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh

Bình Dương vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp về tiền lương” và thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương được quy định tại khoản 1 Điều 32, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Lê Thanh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH N1 đã được Tòa án thông báo tham gia phiên tòa vào các ngày 10/6/2024 và ngày 26/6/2024 nhưng đều vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[3] Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: bà Lê Thanh T vào làm việc tại Công ty TNHH N1 bắt đầu từ tháng 10 năm 2023 nhưng giữa hai bên không giao kết hợp đồng lao động bằng văn bản là vi phạm quy định tại Điều 14 Bộ luật Lao động năm 2019. Căn cứ vào bảng lương tháng 3/2024 và tháng 4/2024 có sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có quan hệ lao động theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Bộ luật Lao động năm 2019. Việc bị đơn đóng cửa công ty và không trả tiền lương trong những ngày người lao động làm việc tại công ty đã ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của người lao động. Nguyên đơn cung cấp cho Tòa án bảng kê trả lương cho người lao động (Lê Thanh T) trong đó có ghi rõ tiền lương, tiền làm thêm giờ, tiền lương làm việc vào ban đêm, nội dung và số tiền bị khấu trừ, bảng kê được thể hiện dưới hình thức là phiếu lương của người lao động phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 95 Bộ luật lao động năm 2019, nên có cơ sở để xác định phiếu lương trên là bảng kê trả lương do Công ty TNHH N1 lập nhằm trả lương cho bà Lê Thanh T với tiền lương thực lãnh tháng 3/2024 bao gồm cả tiền lương, phụ cấp và tiền làm thêm giờ là: 10.260.000 đồng. Nguyên đơn trình bày tiền lương tháng 3/2024 bị đơn đã trả được cho nguyên đơn số tiền 6.000.000 đồng, còn tháng 4 nguyên đơn cũng như các công nhân làm việc từ ngày 01/4 đến ngày 16/4 thì công ty đóng cửa nên hầu như chưa công nhân nào nhận được tiền lương của tháng 4. Lời khai của nguyên đơn phù hợp với lời khai của những người lao động khác cùng làm việc tại công ty TNHH N1 và phù hợp với chứng cứ là bảng lương tháng 3/2024 và tháng 4/2024 do Tòa án thu thập. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền nợ lương trong tháng 3/2024 với số tiền là: 4.260.000 đồng và tiền lương tháng 4/2024 là 3.416.000 đồng là có căn cứ.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ... nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do đồng thời không cung cấp văn bản thể hiện việc phản đối yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”.

Bị đơn có quyền đưa ra các chứng cứ để chấp nhận hoặc bác bỏ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không thực hiện xem như từ bỏ quyền chứng minh của mình.

Việc bị đơn không trả lương đầy đủ, đúng hạn cho người lao động là vi phạm quy định về nguyên tắc trả lương tại Điều 94, 95 Bộ luật Lao động 2019.

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện và yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả tiền nợ lương trong tháng 3/2024 với số tiền là: 4.260.000 đồng và tiền lương tháng 4/2024 là 3.416.000 đồng, tổng cộng là 7.676.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí lao động sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 32, 39, 91, 147, 227, 228, 238, 244, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 3, 14, 90, 94 và 95 Bộ luật Lao động; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thanh T đối với Công ty TNHH N1 về việc tranh chấp về tiền lương.

Buộc Công ty TNHH N1 phải trả cho bà Lê Thanh T tiền nợ lương tháng 3/2024 và tháng 4/2024 với số tiền là: 7.676.000 (bảy triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không thi hành thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất huy động tiền gửi do Ngân hàng N2 công bố vào thời điểm trả tiền.

2. Án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH N1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- CCTHADS thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà